

Bản án số: 64/2019/HS-ST
Ngày 27 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Minh và Ông Trần Quốc Đâu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Quý Thuyên, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với:

Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã X, huyện N, tỉnh H.

Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trần Văn C và con bà: Phạm Thị H.

Vợ con chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân Tp Vinh xử phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội "Bắt cóc nhằm Cướp đoạt tài sản". Hiện đang chấp hành thời gian thử thách. (Tại bản án này bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2013 đến ngày 27/12/2013).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2018 đến ngày 26/11/2018. Hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2018 cho đến nay. Có mặt.

* Người bị hại: Chị Phan Thị Quế C, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Khối 14, phường L, thành phố V, tỉnh N.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H, sinh ngày 27/3/1995, trú tại xóm 2, xã X, huyện N, tỉnh H là công nhân làm việc tại Công ty V, địa chỉ số 117 đường T, khối 13, phường L thành phố V, tỉnh N. Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 19/11/2018, Trần Văn H đang trực bảo vệ công ty phát hiện xe ô tô BKS: 37A - 386.96 của chị Phan Thị Quế C, sinh năm 1996, trú tại khối 8, phường L, thành phố V, tỉnh N gửi tại bãi đỗ

xe của Công ty V không đóng kín cửa, H đến mở cửa xe, lấy trộm 01 (một) thẻ ATM số 9704151514401968 do Ngân hàng TMCP C phát hành và 01 (một) giấy CMND mang tên Phan Thị Quế C. Sau đó H đi đến cây ATM của Ngân hàng TMCP Đ trên đường P, thành phố V, dùng thẻ ATM nêu trên và sử dụng ngày tháng năm sinh có trên giấy CMND của chị Quế C làm mật khẩu rút số tiền là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Đến khoảng 3 giờ ngày 19/11/2018, H tiếp tục dùng thẻ ATM nêu trên của chị Quế C đến cây ATM Ngân hàng N, số 105, đường N, thành phố V rút số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tổng số tiền H lấy trộm của chị Quế C là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Sau khi rút trộm số tiền trên, H đưa thẻ ATM và giấy CMND của chị Phan Thị Quế C để lại vào trong xe ô tô BKS 37A-386.96.

Đến ngày 20/11/2018, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết cơ quan Công an đang điều tra nên Trần Văn H đã đến Công an phường L, thành phố V để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Về Dân sự: Chị Phan Thị Quế C đã nhận lại đầy đủ số tiền 18.000.000 đồng do bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 52/CT-VKS-TPV ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố để xét xử Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, giữ nguyên tội danh đã truy tố, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; khoản 5 điều 65; áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn H từ 9 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù; đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt với bản án số 339A/2014/HSST ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh buộc bị cáo phải thi hành 02 bản án. Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS, điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại, tài liệu chứng

cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 15 phút, ngày 19/11/2018, tại bãi đỗ xe của Công ty V, thuộc số 117 đường T, khối 13, phường L, thành phố V, tỉnh N Trần Văn H đã lén lút lấy một thẻ ATM, số thẻ 970415154401968, do Ngân hàng thương mại cổ phần C phát hành của chị Phan Thị Quế C và rút tiền trong thẻ số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu cá nhân của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Vinh. Bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại đã lén lút lấy trộm tài sản là hành vi trái pháp luật, đáng lên án. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ thấy rằng bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy khi quyết định hình phạt nên xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Tại Bản án số 339A/2014/HSST ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt bị cáo 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 54 tháng. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nên cần áp dụng quy định tại khoản 5 điều 65 BLHS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 339A/2014/HSST ngày 24/9/2014 là 27 tháng tù và áp dụng quy định tại điều 56 BLHS để tổng hợp với hình phạt của bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị Quế C đã nhận lại đầy đủ số tiền của mình là 18.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; khoản 5 điều 65; điều 56 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H **15 (mười lăm)** tháng tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 339A/2014/HSST ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N là 27 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành là **42 (Bốn mươi hai)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/11/2018 đến ngày 26/11/2018 và thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án số 339A/2014/HSST ngày 24/9/2014 là từ ngày 31/10/2013 đến ngày 27/12/2013.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- VKSNDTP Vinh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Vinh;
- Cục THADSTP Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại giam Công an tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã X, N, H;
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương